

ÁN LỆ SỐ 69/2023/AL¹

Về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày 18 tháng 8 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 364/QĐ-CA ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc dân sự “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài”; người yêu cầu là bà Đỗ Thị Mai T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH R.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 8 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Người lao động và người sử dụng lao động ký kết thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh về việc sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, người lao động không được làm công việc tương tự hoặc công việc cạnh tranh với người sử dụng lao động trong thời hạn nhất định, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng Trọng tài thương mại.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án phải xác định tranh chấp về thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh giữa hai bên là thỏa thuận độc lập với hợp đồng lao động, thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 2 Điều 2, Điều 13 và khoản 4 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

- Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại.

Từ khóa của án lệ:

“Thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh”; “Thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại”; “Thẩm quyền của Trọng tài thương mại”.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

¹ Án lệ này do Thẩm phán Nguyễn Thị Thùy Dung, Phó Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất.

Ngày 10/10/2015, Công ty TNHH R và bà Đỗ Thị Mai T ký kết hợp đồng lao động với thời hạn mười hai (12) tháng (từ ngày 10/10/2015 đến 31/10/2016), bà T làm việc tại Công ty R với vị trí là Trưởng bộ phận tuyển dụng.

Ngày 21/10/2015, Công ty R và bà T đã ký kết Thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh (sau đây viết tắt là NDA), trong đó khoản 1 Điều 3 NDA có nội dung: *“Trong quá trình cá nhân được tuyển dụng hoặc làm việc với Công ty R và trong thời gian mười hai (12) tháng dương lịch sau khi chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc với Công ty R, không xét đến nguyên nhân chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc, cá nhân đồng ý không, trực tiếp hoặc gián tiếp và trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ, thực hiện công việc tương tự công việc hoặc về bản chất tương tự công việc vào bất kỳ công việc kinh doanh nào cạnh tranh với L.vn (...), đang hoặc trong tương lai sẽ cạnh tranh với công việc kinh doanh của L.vn, Công ty R và/hoặc các đơn vị liên kết và các đối tác của Công ty R”*. Các bên cũng thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng phán quyết trọng tài.

Ngày 01/11/2016, Công ty R và bà T tiếp tục ký kết hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng (từ ngày 01/11/2016 đến 31/10/2017) với vị trí là Trưởng bộ phận tuyển dụng.

Ngày 18/11/2016, bà T chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 với Công ty R. Ngày 02/10/2017, Công ty R đã nộp đơn khởi kiện kèm theo các chứng cứ tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), theo đó yêu cầu bà T bồi thường cho Công ty R số tiền 205.197.300 đồng, bằng 03 (ba) lần tiền lương tháng liền kề trước khi bà T đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 vì bà T đã vi phạm khoản 1 Điều 3 NDA.

Ngày 19/02/2018, Hội đồng trọng tài thuộc VIAC lập tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Phán quyết trọng tài số 75/17 HCM có nội dung như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền bồi thường là 205.197.300 VND (Hai trăm lẻ năm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng).

2. Bị đơn phải chịu toàn bộ phí trọng tài của vụ tranh chấp này là 24.600.000 VND. Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ chi phí trọng tài nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 24.600.000 VND (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nêu tại Mục 1 và Mục 2, Phần IV nêu trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập phán quyết trọng tài này. Trường hợp bị đơn chậm thanh toán, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, với mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

4. Phán quyết trọng tài này được lập ngày 19/02/2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Phán quyết trọng tài này có giá trị chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày lập phán quyết.

Không đồng ý với phán quyết của Trọng tài, ngày 22/3/2018, bà T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu xem xét hủy toàn bộ nội dung Phán quyết trọng tài số 75/17 HCM ngày 19/02/2018 của VIAC với các lý do sau:

- Thoả thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và phán quyết của Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.
- Thủ tục trọng tài trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại.
- Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài.
- Hội đồng trọng tài sử dụng chứng cứ giả mạo.

Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty R đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Mai T về việc hủy phán quyết trọng tài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[3] Về thời hiệu nộp đơn yêu cầu: Ngày 19/02/2018 là ngày công bố Phán quyết trọng tài vụ kiện số 75/17 HCM. Ngày 27/02/2018, bị đơn nhận được phán quyết trọng tài và ngày 22/3/2017, bà Đỗ Thị Mai T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

[4] Hội đồng xét đơn nhận định các lý do của bà Đỗ Thị Mai T đưa ra để hủy phán quyết trọng tài như sau:

[5] Lý do “Thoả thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật” và “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Xét thấy, căn cứ Điều 13 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định: “Trong

trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án”. Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài những vi phạm đó trong thời hạn do Luật Trọng tài thương mại quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài, hoặc tại Tòa án đối với những vi phạm đã biết đó. Trường hợp Luật Trọng tài thương mại không quy định thời hạn thì thời hạn được xác định theo thỏa thuận của các bên hoặc quy tắc tố tụng trọng tài” và “Trường hợp Tòa án xác định vi phạm đã mất quyền phản đối quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì bên đã mất quyền phản đối không được quyền khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đối với những vi phạm đã mất quyền phản đối đó. Tòa án không được căn cứ vào các vi phạm mà một hoặc các bên đã mất quyền phản đối để quyết định chấp nhận yêu cầu của một hoặc các bên”. Điều 9 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC có hiệu lực từ ngày 01/3/2017 quy định: “Trong trường hợp bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ. Nếu bị đơn không nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ thì bị đơn mất quyền phản đối”. Trong Bản tự bảo vệ đề ngày 04/12/2017 của bà T cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không hề đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thỏa thuận trọng tài. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thỏa thuận trọng tài theo quy định nêu trên.

[6] Bên cạnh đó, bà T cho rằng NDA vi phạm quy định về quyền làm việc của người lao động, vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Việc làm năm 2013 mà Hội đồng trọng tài vẫn công nhận NDA là Hội đồng trọng tài đã vi phạm nguyên tắc tuân thủ pháp luật của người lao động cũng như điều cấm tại Luật Việc làm năm 2013. Xét thấy tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Quyền tự do cam kết, thỏa thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được pháp luật bảo đảm, nếu cam kết, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quan hệ dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào. Cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng”. Trong trường hợp này, giữa bà T với Công ty R đã tự nguyện ký kết, khi ký bà T là người có đầy đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật, không bị ép buộc, lừa dối hay áp đặt ý chí để bà T phải chấp nhận ký NDA. Do đó, NDA có hiệu lực. Việc Hội đồng trọng tài công nhận hiệu lực của NDA là hoàn toàn đúng pháp luật.

[7] Lý do hủy phán quyết trọng tài vì “Thủ tục trọng tài trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại”. Bà T cho rằng thủ tục trọng tài trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại bởi: “Phán quyết đã được lập vào ngày thứ 31 kể từ ngày diễn ra phiên họp của Hội đồng trọng tài” và “Phán quyết trọng tài

đã không được gửi đến bà ngay sau ngày ban hành tức phải ngày 20/01/2018”. Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó” và “Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó”. Phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty R và bà T được tổ chức vào ngày 19/01/2018, tuy nhiên do ngày 18/02/2018, ngày thứ 30 kể từ ngày diễn ra Phiên họp cuối cùng là ngày Chủ nhật, tức ngày nghỉ cuối tuần, nên Hội đồng trọng tài ban hành phán quyết vào ngày 19/02/2018 là vẫn còn trong thời hạn theo quy định viện dẫn nêu trên. Ngày 20/02/2018 và 21/02/2018 là ngày nghỉ lễ Tết Nguyên đán, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hạn gửi phán quyết không thể kết thúc vào các ngày này, mà kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ của ngày làm việc tiếp theo, tức ngày 22/02/2018. Do đó, phán quyết được gửi cho các bên trong ngày 22/02/2018 là vẫn còn trong thời hạn quy định tại Luật Trọng tài thương mại.

[8] Lý do “Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài”: Bà T cho rằng “Tranh chấp về NDA là tranh chấp sẽ do Tòa án giải quyết”. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”. Công ty R là thương nhân, có đăng ký kinh doanh, có hoạt động thương mại theo Luật Thương mại năm 2005. Do đó, thỏa thuận trọng tài thuộc thẩm quyền giải quyết của VIAC và trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại. Nội dung này đã được Hội đồng trọng tài kết luận tại Phiên họp ngày 19/01/2018 (Phần A, trang 5 và Phần C, trang 6 của phán quyết). Khoản 4 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ”. Trong khi đó, tại Bản tự bảo vệ cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thẩm quyền của Trọng tài mà vẫn tiếp tục tố tụng trọng tài, vẫn tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP. Bên cạnh đó, bà T cho rằng tranh chấp giữa các bên là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì NDA là một phần không thể tách rời của các Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty R. Tại đoạn 11 Bản luận cứ đề ngày 18/01/2018 của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại VIAC và tại Phiên họp cuối cùng, Luật sư của bà T đã khẳng định lại quan điểm NDA hoàn toàn độc lập với các Hợp đồng lao động giữa Công ty R và bà T. Do đó, Hội đồng xét đơn xác định thỏa thuận NDA là một thỏa thuận độc lập, khi có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài như sự lựa chọn của các bên từ khi ký kết.

[9] Lý do “Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo”: Xét thấy, Công ty R đã cung cấp cho Hội đồng

trọng tài và bà T: Thư xác nhận của Ngân hàng TNHH Một thành viên Z (Việt Nam) và Phiếu lương tháng liền kề trước hành vi vi phạm NDA của bà T. Các chứng cứ này là các tài liệu do Ngân hàng Z và Công ty R xác nhận nên không thể xem là giả mạo. Hơn nữa căn cứ khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại, đây là phần nội dung, không thuộc thẩm quyền của hội đồng xét đơn.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc hủy phán quyết trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[11] Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Mai T.

[12] Căn cứ khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của bà Đỗ Thị Mai T phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, bà Đỗ Thị Mai T không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, điểm g khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 16, Điều 60, khoản 2 Điều 68, khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Mai T về việc hủy Phán quyết trọng tài số 75/17 HCM của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập ngày 19/02/2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 12 tháng 6 năm 2018. Các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[8] ... Bà T cho rằng “Tranh chấp về NDA là tranh chấp sẽ do Tòa án giải quyết”. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”. Công ty R là thương nhân, có đăng ký kinh doanh, có hoạt động thương mại theo Luật Thương mại năm 2005. Do đó, thỏa thuận trọng tài thuộc thẩm quyền giải quyết của VIAC và trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại. Nội dung này đã

được Hội đồng trọng tài kết luận tại Phiên họp ngày 19/01/2018 (Phần A, trang 5 và Phần C, trang 6 của phán quyết). Khoản 4 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thoả thuận trọng tài, thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ”. Trong khi đó, tại Bản tự bảo vệ cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thẩm quyền của Trọng tài mà vẫn tiếp tục tố tụng trọng tài, vẫn tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP. Bên cạnh đó, bà T cho rằng tranh chấp giữa các bên là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì NDA là một phần không thể tách rời của các Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty R. Tại đoạn 11 Bản luận cứ đề ngày 18/01/2018 của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại VIAC và tại Phiên họp cuối cùng, Luật sư của bà T đã khẳng định lại quan điểm NDA hoàn toàn độc lập với các Hợp đồng lao động giữa Công ty R và bà T. Do đó, Hội đồng xét đơn xác định thoả thuận NDA là một thoả thuận độc lập, khi có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài như sự lựa chọn của các bên từ khi ký kết.”